

CHƯƠNG 6

PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các **quan hệ hôn nhân và gia đình**, bao gồm các **quan hệ nhân thân và tài sản** giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và các con hay các thành viên khác trong gia đình



1. PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Đối tượng điều chỉnh:

Là quan hệ hôn nhân và gia đình, bao gồm nhóm:

- + Quan hệ nhân thân
- + Quan hệ tài sản

giữa các thành viên trong gia đình. Trong đó, quan hệ nhân thân đóng vai trò chủ đạo, có ý nghĩa quyết định tính chất và nội dung của các quan hệ tài sản; các quan hệ tài sản không mang tính chất đền bù ngang giá.

1. PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Các nội dung cơ bản:

- Kết hôn
- Quan hệ giữa vợ và chồng
- Quan hệ cha mẹ và con cái
- Cấp dưỡng
- Xác định cha, mẹ, con
- Con nuôi
- Ly hôn
- Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài
- Xử lý vi phạm

2. KẾT HÔN

a. Khái niệm

Kết hôn là việc nam nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về **điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn**.

Mục đích của hôn nhân: xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững

2 KẾT HÔN

b. Điều kiện kết hôn:

1. Nam từ **đủ 20 tuổi** trở lên, nữ từ **đủ 18 tuổi** trở lên;
2. Việc kết hôn do nam và nữ **tự nguyện** quyết định;
3. Không bị mất **năng lực hành vi dân sự**;
4. Việc kết hôn không thuộc một trong các **trường hợp cấm kết hôn** theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình

2 KẾT HÔN

Các trường hợp cấm kết hôn:

- a) Kết hôn giả tạo
- b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;
- c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; (Đ 182 BLHS 2015)

2 KẾT HÔN

d) Cấm kết hôn (hoặc chung sống như vợ chồng) giữa:

- những người cùng dòng máu về trực hệ;
- những người có họ trong phạm vi ba đời;
- cha, mẹ nuôi với con nuôi;
- người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi,
- người đã từng là cha chồng với con dâu,
- người đã từng là mẹ vợ với con rể,
- người đã từng là cha dượng với con riêng của vợ,
- người đã từng là mẹ kế với con riêng của chồng;



TÌNH HUỐNG

Con ruột – Con nuôi: có thể kết hôn được không?

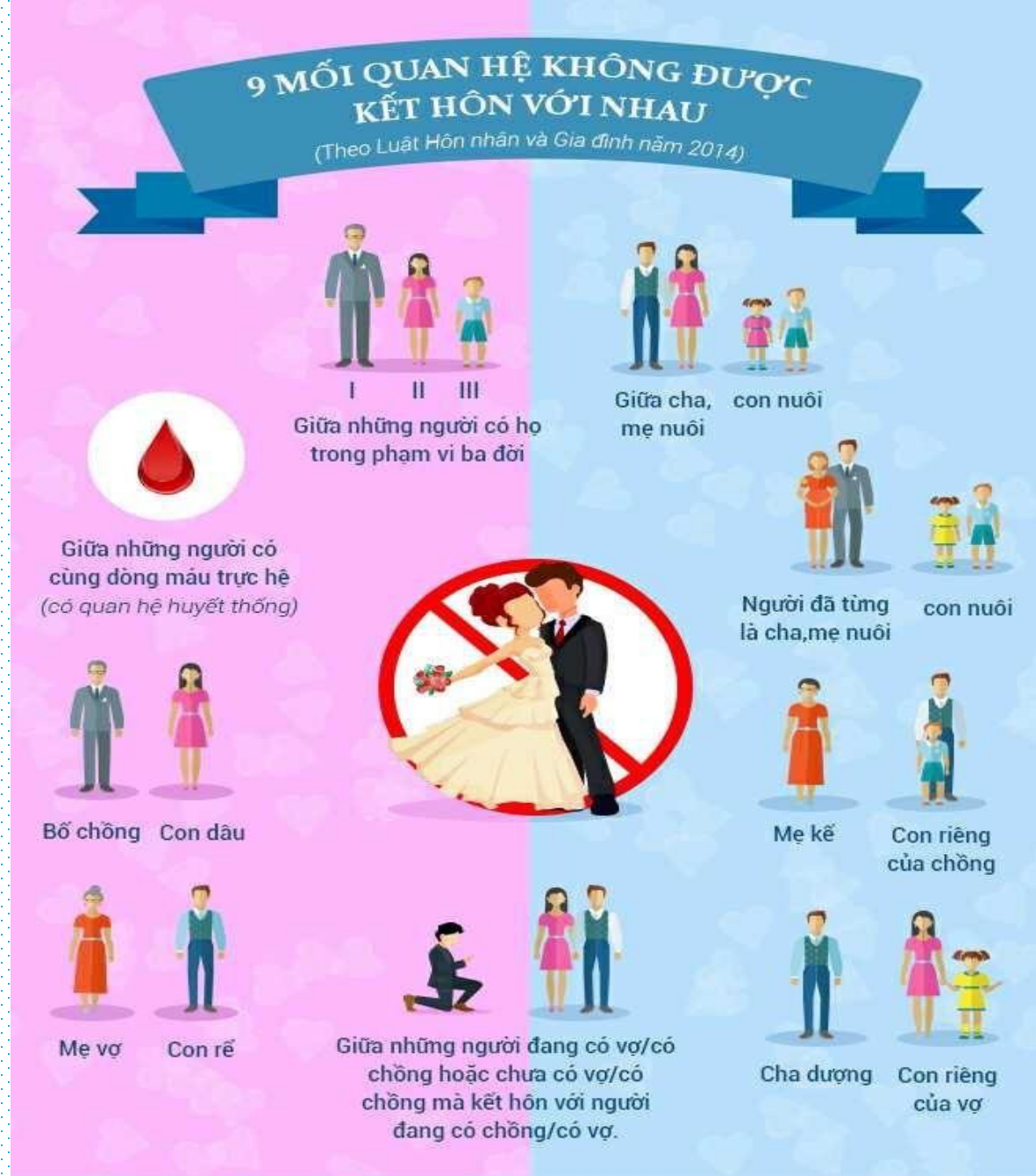
→ Được. Nếu thỏa các điều kiện về đăng ký kết hôn

TÌNH HUỐNG

Kết hôn đồng tính: được không?

→ Không được. Vì quan hệ hôn nhân được pháp luật thừa nhận là quan hệ giữa người nam và người nữ. Giới tính được xác định trên cơ sở pháp lý là giấy tờ tùy thân

2 KẾT HÔN



2 KẾT HÔN

c. Đăng ký kết hôn:

- + Việc kết hôn phải được **đăng ký** và do **cơ quan nhà nước có thẩm quyền** thực hiện.
- Không ĐKKH: không có giá trị pháp lý.
- Quan hệ hôn nhân phát sinh từ thời điểm cấp GCN ĐKKH
- Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải ĐKKH

2 KẾT HÔN

Trường hợp chung sống không đăng ký kết hôn:

- Trước 03/01/1987: hôn nhân hợp pháp
- Sau 03/01/1987: Nhà nước không thừa nhận quan hệ hôn nhân

(Luật hôn nhân gia đình bắt đầu được ban hành từ năm 1986, hiệu lực từ 03/01/1987)

2 KẾT HÔN

Cơ quan NN thực hiện ĐKKH:

- **UBND cấp xã** nơi cư trú của một trong hai bên: CD Việt Nam
- **Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài:** CD Việt Nam với nhau ở nước ngoài.
- **UBND cấp tỉnh** nơi đăng ký thường trú của công dân Việt Nam: giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà ít nhất một bên định cư ở nước ngoài. (đã được phân cấp cho **UBND cấp huyện** kể từ năm 2016)
- **UBND cấp tỉnh** nơi đăng ký tạm trú của công dân Việt Nam: công dân Việt Nam không có nơi đăng ký thường trú.

2 KẾT HÔN

■ Kết hôn trái pháp luật

- Kết hôn trái pháp luật là việc xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng vi phạm điều kiện kết hôn do pháp luật quy định.
- Tùy trường hợp, việc kết hôn trái pháp luật sẽ bị hủy, xử lý theo pháp luật về dân sự, hành chính và cả hình sự.

3. QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

a. Một số Quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng:

- Vợ - chồng có quyền bình đẳng
- Vợ - chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau.
- Có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự nhân phẩm, uy tín cho nhau...



3. QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

a. Quyền và nghĩa vụ:

- Vợ-chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau.
- Vợ chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt các giao dịch mà theo quy định của pháp luật phải có sự đồng ý của cả vợ chồng.

3. QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

b. quan hệ Tài sản

- **Tài sản chung** của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.
- Vợ-chồng bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, không phân biệt lao động trong gia đình và lao động có thu nhập

3. QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

b. Quan hệ Tài sản

- Vợ chồng có quyền có **tài sản riêng**. Tài sản riêng gồm
 - Tài sản có trước khi kết hôn;
 - Tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân;
 - Tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.
 - Tài sản hình thành từ tài sản riêng
- Vợ chồng có **quyền thừa kế** tài sản của nhau theo quy định của pháp luật về thừa kế.

3. QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

b. Quan hệ Tài sản

Chia TS chung trong thời kỳ hôn nhân (Đ 38)

- Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung,
- Nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Không được quyền chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân trừ trường hợp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến gia đình hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản



4. Quan hệ giữa cha mẹ và con

◦ Cha mẹ có nghĩa vụ:

- Yêu thương, tôn trọng, thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của con
- Giáo dục, chăm lo tạo điều kiện cho con về mọi mặt
- Con chưa thành niên hoặc mất NLHV có quyền chung sống với cha mẹ
- Chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.. sau ly hôn



5. CHẤM DỨT QUAN HỆ HÔN NHÂN

- Có 2 trường hợp chấm dứt quan hệ hôn nhân:
- 1. Ly hôn
- 2. Chết hoặc bị tuyên bố đã chết

5.1 Ly hôn

a. Khái niệm ly hôn:

Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ hôn nhân theo ý chí của các bên.

Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn: (Đ 51)

- 1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.
- 2. Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

5.1 Ly hôn

a. Khái niệm ly hôn:

- **Cơ quan giải quyết:** Tòa án nhân dân cấp huyện/cấp tỉnh
- **Căn cứ giải quyết ly hôn:**
 - + Tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.
 - + Vợ hoặc chồng của người bị TA tuyên bố là mất tích xin ly hôn.
 - + Thuận tình ly hôn.
 - + Bạo lực gia đình

5.1 Ly hôn

b. Hình thức ly hôn:

- Thuận tình ly hôn hoặc
- Đơn phương ly hôn (Ly hôn theo yêu cầu của một bên).

5.1 Ly hôn

c. Nguyên tắc giải quyết ly hôn:

- Trong trường hợp vợ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chồng **không** có quyền yêu cầu xin ly hôn.
- Nhà nước và xã hội khuyến khích việc **hòa giải ở cơ sở** khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn.
- Nếu xét thấy **tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt** thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

5.1 Ly hôn

d. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn:

Sau khi bản án hoặc quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, các đương sự:

- Chấm dứt Quan hệ nhân thân: Các quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng chấm dứt
- Chấm dứt Quan hệ tài sản: phân chia tài sản
- Phát sinh vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

5.1 Ly hôn

- **Nguyên tắc chia tài sản khi ly hôn:**
- Theo thỏa thuận của các bên
- Tòa án giải quyết (nếu không thỏa thuận được)
- Tài sản riêng của bên nào thì thuộc quyền sở hữu của bên đó.

5.1 Ly hôn

- Nguyên tắc chia tài sản chung khi ly hôn:

- Chia đôi nhưng có xem xét hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên trong việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản chung.
- Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;
- Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;

5.1 Ly hôn

- Nguyên tắc chia tài sản chung khi ly hôn:

- Tài sản chung được chia bằng hiện vật hoặc theo giá trị; bên nào nhận phần hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần giá trị chênh lệch
- Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;
- Việc thanh toán nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng do vợ chồng tự thỏa thuận, nếu không được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

5.1 Ly hôn

* Nguyên tắc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:

- Theo thỏa thuận của các bên: người trực tiếp nuôi con; quyền, nghĩa vụ
- Tòa án giải quyết (nếu không thỏa thuận được) căn cứ vào quyền lợi của con; nếu con đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con
- Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

5.2 Hôn nhân chấm dứt do vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết (đ 65)

- Hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết.
- Trong trường hợp Tòa án tuyên bố vợ hoặc chồng là đã chết thì thời điểm hôn nhân chấm dứt được xác định theo ngày chết được ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.
- Khi tòa án ra quyết định hủy bỏ tuyên bố một người là đã chết theo quy định của BLDS mà vợ hoặc chồng của người đó chưa kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân đương nhiên được khôi phục; trong trường hợp vợ hoặc chồng của người đó đã kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được xác lập sau có hiệu lực pháp luật.

6. CON NUÔI

a. Khái niệm:

- Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nuôi con nuôi, *bảo đảm cho người được nhận làm con nuôi được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội.*

6. CON NUÔI

b. Điều kiện để được làm con nuôi

- Trẻ em dưới 16 tuổi
- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi;
 - b) Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.
- Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

6. CON NUÔI

c. Điều kiện để nhận con nuôi (Điều 14 Luật Nuôi con nuôi 2010)

- Người nhận con nuôi phải là người có **năng lực hành vi dân sự đầy đủ**;
- Hơn con nuôi từ **20 tuổi trở lên**;
- Có tư cách **đạo đức tốt**;
- **Có điều kiện thực tế** bảo đảm việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi...

6. CON NUÔI

c. Thủ tục nhận con nuôi

- Việc nhận nuôi con nuôi phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền *đăng ký và ghi vào Sổ hộ tịch.*
- Kể từ ngày giao nhận con nuôi, hai bên có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con không khác con ruột.

7. MANG THAI HỘ

Mang thai hộ là việc một người phụ nữ được nhờ mang thai cho **cặp vợ chồng** mà người vợ không thể có con được dù đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ sinh sản (Điều 3 Luật HNGĐ 2014) → **cặp vợ chồng vô sinh có quyền nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.**

- ➔ ***Người độc thân không được nhờ người khác mang thai hộ*** mà chỉ cặp vợ chồng **không có con chung**... mới được.
- Việc mang thai hộ được thực hiện bằng cách lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ.

7. MANG THAI HỘ

Cặp vợ chồng vô sinh phải đáp ứng 03 **điều kiện** sau: (khoản 1 Điều 3 Nghị định 10/2015/NĐ-CP)

- Có xác nhận của tổ chức y tế về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi sử dụng thụ tinh nhân tạo...
- Vợ chồng đang không có con chung;
- Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

7. Điều kiện để được mang thai hộ người khác

Người phụ nữ được nhờ phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Điều 95 LHVĐ 2014:

- - Hoàn toàn tự nguyện, không vì mục đích vụ lợi;
- - Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ: Chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; chị em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì; chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha;
- - Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần;
- - Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế về khả năng mang thai hộ;
- - Nếu có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người này;
- - Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

➔ không quy định bắt buộc người phụ nữ được nhờ mang thai hộ phải là người đang có chồng.



THANK YOU